

NĂNG LỰC DỮ LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NGÀNH KẾ TOÁN TẠI VIỆT NAM

Đặng Thị Huyền Hương¹

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Trần Đức Duy

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Trần Thị Bảo Quế²

Ngân hàng TMCP Quân đội, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 03/10/2025; Ngày hoàn thành biên tập: 04/11/2025; Ngày duyệt đăng: 10/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.38203/jiem.vi.102025.1377>

Tóm tắt: Các xu hướng ứng dụng công nghệ đã đặt ra yêu cầu đối với người làm nghề kế toán cần trang bị một hệ thống các kỹ năng nghề nghiệp, trong đó năng lực dữ liệu và công nghệ được đánh giá là một trong những năng lực quan trọng nhất. Nghiên cứu nhằm tìm hiểu về một số năng lực dữ liệu và công nghệ kỳ vọng đối với kế toán viên tại các ngân hàng thương mại, đồng thời xác định khoảng cách giữa yêu cầu của nhà tuyển dụng và năng lực thực tế của người tốt nghiệp. Dữ liệu được thu thập từ quá trình điều tra các nhân viên kế toán mới tốt nghiệp trong vòng 1-3 năm đang làm việc tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Kết quả cho thấy, ở một số kỹ năng cụ thể khoảng cách này là tương đối lớn. Từ đó, bài viết đưa ra một số đề xuất thu hẹp khoảng cách nhằm tăng cường chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực kế toán tại Việt Nam.

Từ khóa: Năng lực dữ liệu và công nghệ, Người tốt nghiệp ngành kế toán, Năng lực nghề kế toán

¹ Tác giả liên hệ, Email: huongdth@ftu.edu.vn

² Khóa 34, Thành viên Ban Điều hành

DATA AND TECHNOLOGY COMPETENCES OF NEWLY ACCOUNTING GRADUATES IN VIETNAM

Abstract: Trends of technology in accounting have required accountants to equip themselves with a system of professional skills, in which Data and Technology is considered one of the most important competency. This paper explores some important Data and Technology competencies for newly accountants in commercial banks, and identifies the gap between the requirements of bank employers and the actual competencies of graduates. Data were collected through a survey of accounting staff who graduated within the past 1-3 years and are currently working at commercial banks in Vietnam. The survey results show that in some specific skills, the gaps are relatively large. The article also proposes some recommendations to narrow the gap in order to improve the quality of training to meet the social requirements for accounting human resources in Vietnam.

Keywords: Data and Technology Competence, Accounting Graduates, Accounting Competences

1. Giới thiệu

Theo Tsiligiris & Bowyer (2021), Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư là thuật ngữ dùng để mô tả thế giới được định hình bởi một loạt các công nghệ mới đang kết hợp thế giới vật lý, kỹ thuật số và sinh học, tác động đến mọi ngành của nền kinh tế. Trong bối cảnh đó, con người, công nghệ thông tin và truyền thông sẽ đan xen và toàn cầu hóa diễn ra nhanh chóng. Đại dịch Covid-19 thậm chí còn đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, thậm chí buộc các tổ chức và con người phải áp dụng và sử dụng công nghệ rộng rãi.

Theo Elo & cộng sự (2023), hoạt động nghề nghiệp kế toán đang trải qua quá trình chuyển đổi do sự tiến bộ công nghệ số được coi là cuộc cách mạng trong nghề kế toán, đặc biệt các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, Blockchain, điện toán đám mây. Các công cụ và công nghệ phân tích dữ liệu mới sẽ thay đổi cách thực hiện công việc kế toán, những tác nghiệp lặp đi lặp lại sẽ được tự động hoá bằng phần mềm và máy móc, nhu cầu nghề kế toán chuyển dịch sang các vị trí phân tích, dự đoán và ra quyết định. Tỷ lệ thất nghiệp sẽ tăng, tác động này bao gồm cả cơ hội và thách thức đối với kế toán viên. Thông qua việc sử dụng công nghệ số, kế toán viên sẽ có thể truy cập dữ liệu theo thời gian thực, cải thiện chất lượng dữ liệu, thông tin với độ chính xác và kịp thời cao hơn, đảm bảo thông tin ra quyết định. Để khai thác những ưu thế công nghệ, kế toán viên cần sở hữu một bộ kỹ năng mới xoay quanh phân tích dữ liệu, tăng cường áp dụng công nghệ số nhằm tự động hóa một phần đáng kể nhiệm vụ kế toán. Kỹ năng được săn đón nhất của sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán là trình độ thành thạo về công nghệ thông tin, kiến thức và kỹ năng lập trình. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, tình trạng thiếu kỹ năng công nghệ của sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán đã tạo ra

cơ hội cho sinh viên có bằng đại học ở các chuyên ngành khác trở thành kế toán viên chuyên nghiệp.

Từ những năm 2000 đến nay, ngành ngân hàng trên toàn cầu là một trong những ngành có tốc độ ứng dụng công nghệ, dữ liệu và chuyển đổi số lớn. Tại Việt Nam, từ sau đại dịch Covid 19, nhiều ngân hàng thương mại (NHTM) đã thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, các giao dịch online đa dạng và tăng đáng kể, tuyển dụng kế toán có kỹ năng công nghệ là xu hướng hiện nay. Bài viết tìm hiểu về các năng lực dữ liệu và công nghệ quan trọng đối với kế toán viên tại các NHTM, đồng thời xác định khoảng cách giữa kỳ vọng của nhà tuyển dụng và năng lực thực tế của người tốt nghiệp. Bài viết được phân tích trên cơ sở lý thuyết về khoảng cách giữa kỳ vọng của nhà tuyển dụng và nhận thức của sinh viên về các kỹ năng nghề nghiệp (The expectation - performance gap) của Bùi & Porter (2010).

Cấu trúc bài viết gồm 5 phần. Sau phần giới thiệu, phần 2 trình bày lý thuyết về khoảng cách giữa kỳ vọng của nhà tuyển dụng và nhận thức của sinh viên ngành kế toán. Phần 3 đưa ra Câu hỏi, dữ liệu và phương pháp nghiên cứu. Phần 4 thảo luận kết quả nghiên cứu. Cuối cùng, phần 5 nêu kết luận.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1 Lý thuyết về khoảng cách giữa kỳ vọng của nhà tuyển dụng và nhận thức của sinh viên ngành kế toán

Nhu cầu cải tiến giáo dục tại các trường đại học để đáp ứng kỳ vọng và yêu cầu thực tế đã và đang được nghiên cứu trên thế giới hàng chục năm nay, đặc biệt trong các nghề có định hướng chuyên môn cao và chịu tác động của công nghệ như nghề kế toán. Bùi & Porter (2010) là những tác giả đầu tiên đề xuất lý thuyết về khoảng cách giữa kỳ vọng - thực tế của giáo dục kế toán, bao gồm khoảng cách kỳ vọng (expectation gap), khoảng cách ràng buộc (constraint gap) và khoảng cách thực hiện (performance gap). Các tác giả này cho rằng, có một số lý do khiến giáo dục kế toán không đào tạo sinh viên tốt như mong muốn và khoảng cách này bao gồm bốn nhóm chính. Một là sự khác biệt giữa kỳ vọng của các học giả kế toán và nhà tuyển dụng. Hai là các ràng buộc của sinh viên (nhận thức của sinh viên về các chương trình kế toán, cũng như năng lực vốn có của họ). Ba là các quy định ràng buộc của tổ chức. Bốn là sự kém hiệu quả trong việc giảng dạy tại trường đại học. Bùi & Porter (2010) đã nghiên cứu khoảng cách giáo dục kế toán ở New Zealand thông qua việc phỏng vấn sinh viên, học viên sau đại học và nhà tuyển dụng có liên quan đến chương trình. Trước Bùi & Porter (2010), Marie & Drennan (2008) cũng đã đề cập đến kỳ vọng và nhận thức của sinh viên và người sử dụng lao động.

Sau nghiên cứu của Bùi & Porter (2010), có nhiều nghiên cứu thực nghiệm ở các nước về vấn đề này như: Abayadeera & Watty (2014) và Elo & Matto (2023) ở Phần Lan; Edeigba (2022) tại New Zealand; Dolce & cộng sự (2019) tại Ý; Succi & Canovi (2019) ở các quốc gia Châu Âu. Các kết quả nghiên cứu này

sau đó cũng được các trường đại học đưa vào cập nhật điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng nhưng cũng gặp không ít thách thức. Trên thực tế, khoảng cách này vẫn tồn tại vì nhu cầu của xã hội luôn luôn thay đổi và đặc biệt tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ.

2.2 Các xu hướng dữ liệu và công nghệ trong lĩnh vực kế toán và ngành ngân hàng

Trong khi có rất nhiều yếu tố tác động tới lĩnh vực kế toán, công nghệ đóng vai trò quan trọng và là động lực thúc đẩy phát triển nghề nghiệp này. Theo Jackson (2022) những xu hướng công nghệ ảnh hưởng tới nghề kế toán bao gồm:

Chuỗi khối (Blockchain)

Chuỗi khối sử dụng công nghệ ngang hàng để tạo ra các sổ cái kỹ thuật số dùng chung, an toàn, theo thời gian thực mà không cần trung gian như ngân hàng, nhằm giảm thời gian và chi phí. Việc chia sẻ dữ liệu giúp chuẩn hóa, xác minh và giải trình, cho phép xác thực tài liệu kỹ thuật số và tăng cường quyền riêng tư dữ liệu thông qua mã hóa. Chuỗi khối có thể công khai, khả dụng cho tất cả những người có thể truy cập internet, hoặc được thiết lập ở chế độ truy cập hạn chế chỉ dành cho những người được cấp phép. Trong ngành ngân hàng, chuỗi khối được ứng dụng trong giao dịch xuyên biên giới, tài trợ tài chính thương mại, thanh toán bù trừ, xác minh danh tính kỹ thuật số, báo cáo tín dụng, mua bán tài sản.

Tự động hoá thông minh

Đây là việc ứng dụng các phần mềm thực hiện các tác vụ có tính chất lặp đi, lặp lại như trả lương, kế toán các khoản phải trả, phải thu và kiểm toán. Tự động hoá thông minh ngày càng trở nên quan trọng trong lĩnh vực ngân hàng và thanh toán do khả năng nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí, cải thiện độ chính xác, nâng cao năng suất lao động và nâng cao trải nghiệm khách hàng, giải phóng nhân viên khỏi những công việc nhàm chán, cho phép họ tập trung vào các nhiệm vụ phức tạp và có giá trị hơn.

Học máy

Trí tuệ nhân tạo và học máy đã tạo ra các giải pháp thông minh, hiệu quả và cá nhân hóa đối với khách hàng, giảm thiểu việc xử lý các yêu cầu lặp đi, lặp lại, dự đoán hành vi của khách hàng và cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp. Ứng dụng này trong dịch vụ khách hàng số, kết hợp hệ thống tổng đài trả lời tự động, cung cấp các dịch vụ cá nhân hóa cho người dùng tạo ra một mô hình dịch vụ thông minh và hiệu quả.

Nền tảng đám mây

Điện toán đám mây cho phép chia sẻ tài nguyên và dữ liệu trên nhiều máy tính và thiết bị, cho phép kế toán viên cộng tác trên dữ liệu và thông tin, cũng

như chia sẻ với khách hàng, sự gia tăng của phần mềm kế toán trên nền tảng đám mây đã giảm bớt việc lưu trữ sổ sách. Vai trò của điện toán đám mây giúp tăng hiệu suất làm việc, bảo mật, lợi thế cạnh tranh, giảm chi phí cơ sở hạ tầng, giảm lượng khí thải carbon hướng đến phát triển bền vững.

Như vậy, công nghệ được coi là yếu tố then chốt trong hoạt động của các ngân hàng và đội ngũ kế toán, tuy nhiên, công nghệ cũng đặt ra bài toán cho các tổ chức đó là cần có một đội ngũ nguồn nhân lực có năng lực phù hợp, thích nghi với xu hướng chuyển đổi công nghệ.

2.2 Vai trò của doanh nghiệp và trường đại học trong đào tạo kỹ năng dữ liệu và công nghệ

Năng lực của một kế toán viên là sự tổng hòa từ kiến thức, thái độ và kỹ năng nghề nghiệp, bên cạnh việc tự trau dồi của mỗi cá nhân, vai trò của trường đại học và sau đó là doanh nghiệp nơi các kế toán viên làm việc là những môi trường tốt để đào tạo năng lực về dữ liệu và công nghệ.

Đối với các trường đại học, nhiều nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đào tạo công nghệ trong chương trình giảng dạy kế toán ở bậc đại học, việc lồng ghép AI và phân tích dữ liệu vào chương trình giảng dạy kế toán sẽ tạo điều kiện cho việc áp dụng công nghệ mới. Jackson (2022) cho rằng, việc phát triển kỹ năng công nghệ bắt đầu bằng việc hướng dẫn sử dụng phần mềm và hệ thống kế toán bao gồm: Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp; Hệ thống thông minh kinh doanh, học máy, phân tích và diễn giải dữ liệu. Các nhà nghiên cứu đã đưa ra các đề xuất về việc đào tạo dữ liệu lớn, đề xuất các trường đại học hướng dẫn về phần mềm thuế, bảng tính và xử lý văn bản vào để nâng cao các kỹ năng liên quan đến công nghệ. CPA Úc đã nhấn mạnh rằng sinh viên tốt nghiệp cần hiểu cách công nghệ tác động đến các mô hình kinh doanh để phân tích dữ liệu và thông tin, hỗ trợ việc ra quyết định (CPA Australia, 2021).

Các trường đại học cần linh hoạt và tìm ra giải pháp tích hợp đào tạo năng lực dữ liệu và công nghệ vào chương trình giảng dạy. Nhiều trường đại học trên toàn thế giới, bao gồm các trường ở Trung Quốc, Singapore, Canada, Hoa Kỳ và Vương quốc Anh, đang thiết kế các khóa học đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, lồng ghép đào tạo về phân tích kinh doanh, chuỗi khối, khai thác dữ liệu và học máy. Nhìn chung, các trường đều nhận thức được vai trò của các kỹ năng này và hướng đến giảng dạy các nội dung nền tảng chuẩn bị cho các kế toán viên mới vào nghề bắt kịp các xu hướng công nghệ mới.

Đối với doanh nghiệp và các hiệp hội nghề nghiệp, đào tạo kế toán viên về lợi ích của công nghệ và thúc đẩy văn hóa đổi mới sẽ cho phép các tổ chức theo kịp sự thay đổi công nghệ và duy trì khả năng cạnh tranh. Ứng dụng công nghệ không đồng nghĩa kế toán viên sẽ bị thay thế bởi các chuyên gia công nghệ, nhưng

ít nhất họ phải tiếp tục tham gia vào các xu hướng công nghệ tác động đến tổ chức và nghề nghiệp. Doanh nghiệp cần có kế hoạch đào tạo bài bản và sẵn sàng đào tạo lại nếu cần để đáp ứng tốt hơn những tiến bộ công nghệ. Mặc dù nhiều tổ chức đang đào tạo nội bộ, huấn luyện, cố vấn nhưng điều này vẫn không đủ để đáp ứng các nhu cầu về kỹ năng trong tương lai. Ngoài giáo dục trong giai đoạn đầu sự nghiệp của một kế toán viên, Murphy & Hassal (2019) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển liên tục thông qua đào tạo chính thức do các cơ quan chuyên môn giảng dạy, để học tập suốt đời và duy trì năng lực chuyên môn.

3. Câu hỏi, dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nhằm làm rõ khoảng cách giữa kỳ vọng của nhà quản lý các NHTM và năng lực thực tế của người tốt nghiệp mới vào nghề, bài viết vận dụng mô hình Bùi & Porter (2010) và đặt ra 3 câu hỏi. *Câu hỏi 1:* Đối với các nhà quản lý tại các NHTM, ba năng lực Dữ liệu và Công nghệ nào được đánh giá là quan trọng nhất? *Câu hỏi 2:* Các kỹ năng Dữ liệu và Công nghệ nào có khoảng cách lớn nhất giữa kỳ vọng của các NHTM và năng lực thực tế của người tốt nghiệp mới vào nghề? *Câu hỏi 3:* Kỹ năng Dữ liệu và Công nghệ nào trường đại học cần đào tạo cho sinh viên ngành kế toán?

Để trả lời được các câu hỏi trên, nghiên cứu này đã thu thập các phiếu điều tra khảo sát tại các NHTM tại Việt Nam, thời gian từ 15/7 đến 15/9/2025. Trong đó, khảo sát các kế toán viên mới vào nghề dưới 3 năm, tổng số phiếu phát ra 200 phiếu và số phiếu trả lời hợp lệ thu về là 172 phiếu, và khảo sát các nhà quản lý với tổng số phiếu phát ra 200 phiếu và số phiếu trả lời hợp lệ thu về là 131 phiếu.

Phiếu khảo sát được thiết kế với 12 kỹ năng thuộc năng lực dữ liệu và công nghệ bằng thang đo Likert 5 mức độ. Các mức độ quan trọng phản ánh kỳ vọng các kỹ năng do nhà quản lý đánh giá được đo lường gồm 5 mức: không quan trọng, ít quan trọng, khá quan trọng, quan trọng và rất quan trọng. Các mức độ năng lực thực tế của kế toán viên mới vào nghề được đo lường 5 mức gồm: mức hạn chế, mức cơ bản, mức kỹ năng và mức chuyên gia.

Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm Stata SE. Phân tích dữ liệu định lượng được tiến hành bằng cách tính toán các giá trị trung bình số học của tầm quan trọng dự kiến và sự phát triển nhận thức của các kỹ năng, cũng như sự khác biệt tuyệt đối giữa các điểm trung bình. Sự khác biệt được tính bằng cách trừ điểm trung bình của sự phát triển nhận thức và điểm trung bình của tầm quan trọng. Dựa trên điểm trung bình, có thể phân tích kỹ năng nào được kỳ vọng là quan trọng nhất và ít quan trọng nhất trong nghề kế toán trong tương lai và kỹ năng nào được sinh viên kế toán phát triển nhiều nhất và ít nhất trong quá trình đào tạo, cũng như đánh giá kỳ vọng về tầm quan trọng của các kỹ năng liên quan đến sự phát triển kỹ năng được nhận thức.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả điều tra cho thấy, đối với các NHTM, 3 kỹ năng quan trọng nhất đối với kế toán viên lần lượt là: Ứng dụng căn bản của Microsoft; ERP và hệ thống phần mềm kế toán; và khai thác dữ liệu. Trong khi đó, người mới vào nghề kế toán cũng tự đánh giá năng lực các kỹ năng này ở mức kỹ năng và mức cơ bản. Các kỹ năng như: Bảo mật dữ liệu; Công nghệ điện toán đám mây, nền tảng đám mây; Thiết kế hệ thống thông tin cũng là những kỹ năng quan trọng đối với nghề kế toán tại NHTM nhưng với các kỹ năng này, hầu hết người tốt nghiệp cho rằng năng lực này ở mức cơ bản, họ tự đào tạo và không được đào tạo tại trường đại học.

Đối với người tốt nghiệp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, lập trình và hệ thống phần cứng cũng là những kỹ năng có hiểu biết hạn chế và rất ít được đào tạo tại trường đại học.

Bảo mật dữ liệu, ERP và hệ thống phần mềm kế toán, thiết kế hệ thống thông tin, chuỗi khối (Blockchain) và công nghệ điện toán đám mây, nền tảng đám mây là các kỹ năng mà khoảng cách giữa yêu cầu của các NHTM và năng lực thực tế của người tốt nghiệp là lớn nhất. Đối với các kỹ năng này, theo đánh giá của người mới tốt nghiệp họ không được đào tạo tại trường đại học. Tuy nhiên, họ cũng cho rằng, tùy từng vị trí, các nhân viên mới vào nghề đã được đào tạo tại NHTM, việc đào tạo khá tập trung xuất phát từ yêu cầu công việc và ứng dụng vào công việc ngay sau khi đào tạo nên rất hiệu quả.

Bảng 1. Mô tả mẫu điều tra

Giới tính	Số lượng	Kinh nghiệm	Số lượng	Tỷ lệ %
<i>Đối tượng phỏng vấn là kế toán viên</i>				
Giới tính nữ	94	Kinh nghiệm dưới 1 năm	63	40
Giới tính nam	68	Kinh nghiệm 1-2 năm	44	30
		Kinh nghiệm 2-3 năm	65	40
	172		172	
<i>Đối tượng phỏng vấn nhà quản lý</i>				
Giới tính nữ	85	Kinh nghiệm dưới 5 năm	76	60
Giới tính nam	46	Kinh nghiệm 5-10 năm	35	30
		Kinh nghiệm trên 10 năm	20	20
	131		131	

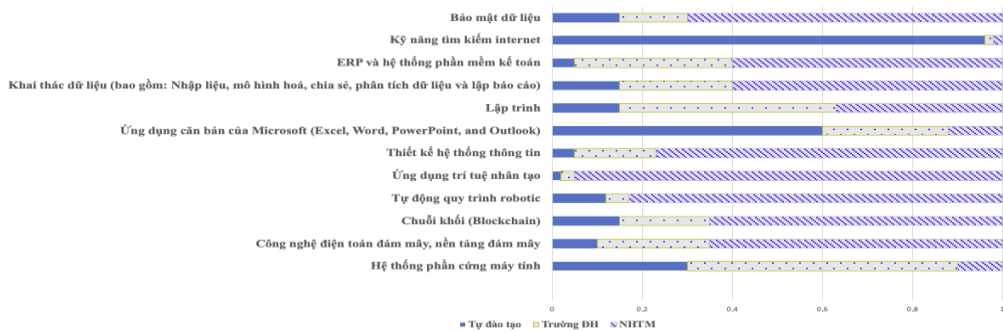
Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Bảng 2. Khoảng cách giữa kỳ vọng của nhà tuyển dụng NHTM và nhận thức của người tốt nghiệp về các kỹ năng Dữ liệu và công nghệ

TT	Nội dung kỹ năng	Đánh giá mức độ quan trọng (kỳ vọng)			Nhận thức của sinh viên			Khoảng cách
		Trung Bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	Trung Bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	
1	Hệ thống phần cứng máy tính	2,92	1,03	9	1,42	1,12	11	1,50
2	Công nghệ điện toán đám mây, nền tảng đám mây	3,78	0,69	5	2,25	1,07	5	1,53
3	Chuỗi khối (Blockchain)	3,26	0,58	7	1,62	0,92	8	1,60
4	Tự động quy trình robotic	3,05	0,78	8	1,58	1,28	9	1,47
5	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo	2,81	1,01	12	1,41	1,25	12	1,40
6	Thiết kế hệ thống thông tin	3,42	0,73	6	1,80	0,81	7	1,62
7	Ứng dụng căn bản của Microsoft (<i>Excel, Word, PowerPoint, and Outlook</i>)	4,26	0,98	1	2,94	0,93	2	1,32
8	Lập trình	2,90	1,02	11	1,52	0,97	10	1,38
9	Khai thác dữ liệu (<i>bao gồm: Nhập liệu, mô hình hoá, chia sẻ, phân tích dữ liệu và lập báo cáo</i>)	4,12	0,68	3	2,83	0,67	3	1,29
10	ERP và hệ thống phần mềm kế toán	4,18	0,73	2	2,40	0,89	4	- 1,78
11	Kỹ năng tìm kiếm internet	2,91	0,85	10	4,01	0,78	1	+ 1,10
12	Bảo mật dữ liệu	4,05	0,91	4	2,11	1,03	6	- 1,94

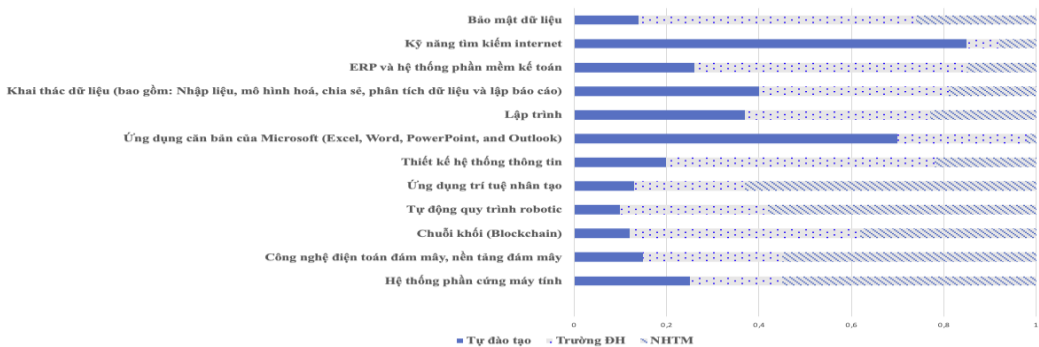
Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Hình 1 và 2 điều tra nhận định của kế toán viên và nhà tuyển dụng về việc đào tạo các kỹ năng công nghệ, kết quả điều tra cho thấy, các nhà quản lý tại các NHTM tin tưởng vào vai trò đào tạo kỹ năng dữ liệu và công nghệ tại các trường đại học, đặc biệt các kỹ năng liên quan đến Bảo mật thông tin, Thiết kế hệ thống thông tin và ERP, hệ thống phần mềm kế toán. Trong khi đó với các kỹ năng này, đối với kế toán viên mới vào nghề lại cho rằng, chính nơi làm việc tại NHTM là môi trường đào tạo họ tốt nhất. Cả hai phía kế toán viên và nhà quản lý đều đồng nhất rằng, các kỹ năng về Ứng dụng căn bản của Microsoft, Kỹ năng tìm kiếm internet nên do các kế toán viên tự đào tạo.



Hình 1. Nhận định của kế toán viên về môi trường đào tạo các kỹ năng dữ liệu và công nghệ

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả



Hình 2. Nhận định của NHTM về môi trường đào tạo các kỹ năng dữ liệu và công nghệ

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

5. Kết luận

Đối với các NHTM, kỹ năng dữ liệu và công nghệ ngày càng quan trọng do đó việc các kế toán viên được trang bị thành thạo nhóm kỹ năng này đóng góp nhiều vào sự phát triển và thành công của ngân hàng cũng như phát triển nghề nghiệp. Theo nghiên cứu này, nhà tuyển dụng tại các NHTM cần chú trọng đến việc đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo, Blockchain, dữ liệu và công nghệ điện toán đám mây nhằm tăng cường năng lực các kế toán viên, do đặc thù ứng dụng của từng tổ chức nên việc đào tạo các kỹ năng này tại NHTM sẽ hiệu quả hơn.

Đối với sinh viên, việc tự học và trau dồi các kiến thức và kỹ năng dữ liệu và công nghệ đóng vai trò chủ yếu, sinh viên cần có định hướng nghề nghiệp và loại hình tổ chức tuyển dụng để có kế hoạch tự đào tạo phù hợp, đặc biệt các kiến thức liên quan đến năng lực tự học, tự tìm kiếm thông tin, khai thác và nhập liệu, ứng dụng tin học căn bản.

Việc nắm bắt những kỹ năng kỳ vọng từ phía nhà tuyển dụng NHTM giúp các trường đại học rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và yêu cầu thực tiễn, đồng thời người học cũng chủ động trau dồi kỹ năng bằng cách tự học tập hoặc kết nối với các trung tâm đào tạo, hiệp hội nghề nghiệp để bồi dưỡng năng lực. Với xu thế phát triển và thay đổi nhanh chóng của công nghệ, tồn tại khoảng cách này là không tránh khỏi, tuy nhiên việc thường xuyên đối thoại, tìm hiểu các nhu cầu của doanh nghiệp từ đó đổi mới đào tạo và định hướng cho người học là nhiệm vụ cần thiết của các trường đại học. Tại nhiều trường đại học ở Việt Nam trong các năm vừa qua đã phát triển các chương trình định hướng nghề nghiệp, trong đó rất cập nhật và chú trọng các kỹ năng về dữ liệu và công nghệ, các sinh viên của các chương trình học này sau khi tốt nghiệp có cơ hội việc làm cao và mức thu nhập trung bình cũng cao hơn. Các trường đại học cần mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp trong hoạt động tham quan doanh nghiệp, mời diễn giả, dự án thực tế, đào tạo tại chỗ, webinar, gắn kết với mạng lưới thông tin chia sẻ thông qua các hiệp hội nghề nghiệp, mời các chuyên gia ngành vào các ủy ban, hội đồng đào tạo của trường đại học.

Tài liệu tham khảo

- Bui, B. & Porter, B. (2010), “The expectation-performance gap in accounting education: an exploratory study”, *Accounting Education*, Vol. 19 No. 1-2, pp. 23-50.
- CPA Australia (2020), “The impact of technology on the desired skills of early career accountants”.
- Dolce, V., Emanuel, F., Cisi, M. & Ghislieri, C. (2020), “The soft skills of accounting graduates: Perceptions versus expectations”, *Accounting Education*, Vol. 29 No. 1, pp. 57-76.
- Elo, T., Pätäri, S., Sjögrén, H. & Mättö, M. (2023), “Transformation of skills in the accounting field: the expectation-performance gap perceived by accounting students”, *Accounting Education*, Vol. 33 No. 3, pp. 237-273.
- Edeigba, J., Opare, S. & Laswad, F. (2024), “Accounting students’ performance in proctored online exams: early evidence from Covid-19 disrupted tertiary education learning”, *Accounting Education*, Vol. 34 No. 4, pp. 585-612.
- Jackson, D., Michelson, G. & Munir, R. (2022), “Developing accountants for the future: new technology, skills, and the role of stakeholders”, *Accounting Education*, Vol. 32 No. 2, pp. 150-177.
- Murphy, B. & Hassall, T. (2019), “Developing accountants: from novice to expert”, *Accounting Education*, Vol. 29 No. 1, pp. 1-31.
- Succi, C. & Canovi, M. (2019), “Soft skills to enhance graduate employability: comparing students and employers’ perceptions”, *Studies in Higher Education*, Vol. 45 No. 9, pp. 1834-1847.
- Tsiligiris, V. & Bowyer, D. (2021), “Exploring the impact of 4IR on skills and personal qualities for future accountants: a proposed conceptual framework for university accounting education”, *Accounting Education*, Vol. 30 No. 6, pp. 621-649.